

Số: /2021/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc ban hành kèm theo Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT/BTC-BKH-CN, ngày 22 tháng 4 năm 2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN- BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm; Quyết định số 554/QĐ-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc đính chính một số nội dung tại các Phụ lục, Mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Thông tư 63/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 10/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;*

*Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 59/TTr-SKHCN ngày 19 tháng 10 năm 2021, Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật số 249/BC-STP ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Sở Tư pháp, Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến số 460/BC-SKHCN ngày 24/11/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc ban hành kèm theo Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc:

### **1. Sửa đổi khoản 1 Điều 1 như sau:**

"1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định quản lý và tổ chức thực hiện đối với các nhiệm vụ được nêu tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này như sau:

a) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là "KH&CN") có sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh dưới các hình thức:

- Đề tài KH&CN cấp tỉnh;
- Đề án KH&CN cấp tỉnh;
- Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh;
- Dự án KH&CN cấp tỉnh;
- Đề tài KH&CN, dự án KH&CN tiềm năng cấp tỉnh.

(gọi chung là *nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp tỉnh*)

- Chương trình KH&CN cấp tỉnh (*được thực hiện thông qua các đề tài KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án KH&CN và nhiệm vụ thường xuyên phục vụ công tác quản lý Chương trình - gọi chung là các nhiệm vụ KH&CN và nhiệm vụ thường xuyên thuộc Chương trình*)

b) Các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước cấp cơ sở dưới các hình thức: Đề tài KH&CN cấp cơ sở hoặc dự án KH&CN cấp cơ sở.

c) Các nhiệm vụ KH&CN liên quan đến bí mật quân sự, bí mật nhà nước, bí mật quốc gia không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này."

## **2. Sửa đổi Điều 2 như sau:**

### **"Điều 2. Nguyên tắc chung**

1. Việc xác định và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm trên cơ sở dự toán nguồn ngân sách nhà nước được duyệt và các nguồn kinh phí khác cân đối cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong năm kế hoạch và các năm tiếp theo tương ứng với thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt. Riêng đối với Chương trình KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo Quy định này và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Các nhiệm vụ KH&CN phải có đủ căn cứ về tính cấp thiết và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực hoặc địa phương; đồng thời đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN, tương ứng với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

3. Mỗi cá nhân không đồng thời làm chủ nhiệm quá hai (02) nhiệm vụ KH&CN (đối với cấp tỉnh) và chỉ làm chủ nhiệm không quá 01 nhiệm vụ KH&CN (đối với cấp cơ sở) nhưng phải được bố trí đảm bảo thời gian đảm nhiệm vị trí chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định hiện hành. Tùy theo tính chất, mức độ thực hiện của nhiệm vụ KH&CN, mỗi nhiệm vụ KH&CN có thể được bố trí cá nhân tham gia theo hình thức chủ nhiệm; chủ nhiệm và đồng chủ nhiệm hoặc ban chủ nhiệm. Việc bố trí hình thức cá nhân chủ nhiệm; chủ nhiệm và đồng chủ nhiệm hoặc ban chủ nhiệm phải được phê duyệt trong quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN (tính từ thời điểm ký kết hợp đồng đặt hàng đến thời điểm hoàn thành, kết thúc nhiệm vụ) phải phù hợp với nội dung nghiên cứu nhưng tối đa không quá 60 tháng (05 năm) đối với tất cả các loại hình nhiệm vụ KH&CN nêu tại khoản 1 Điều 1 Quy định này. Trường hợp đặc biệt do UBND tỉnh quyết định phê duyệt.

5. Việc xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện thông qua các Hội đồng tư vấn KH&CN trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định/phê duyệt, gồm: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN và Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập theo thẩm quyền hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật cho Giám đốc Sở KH&CN (hoặc người đứng đầu Sở KH&CN

trong trường hợp chưa có Giám đốc Sở) thành lập và có thể lấy thêm ý kiến tư vấn của tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định. Thành phần Hội đồng tư vấn KH&CN bao gồm các nhà khoa học, đại diện cơ quan, tổ chức đề xuất đặt hàng, cơ quan, tổ chức đặt hàng, nhà quản lý, nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ tư vấn.

Việc xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở do Hội đồng tư vấn KH&CN cấp cơ sở xem xét, thông qua và Thủ trưởng cơ sở quyết định/phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định/phê duyệt.

6. Đối với chương trình KH&CN cấp tỉnh, sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, tổ chức chủ trì chương trình phải quản lý, tổ chức tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện, cá nhân chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN thuộc chương trình, tương tự trình tự, thủ tục quản lý các nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp tỉnh tại Quy định này; các nhiệm vụ thường xuyên thuộc chương trình thực hiện theo quy định hiện hành".

### **3. Sửa đổi khoản 1 và bổ sung điểm d khoản 2 Điều 5 như sau:**

"1. Các tổ chức có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ KH&CN, có đủ tiềm lực, có con dấu và tài khoản có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở."

"d) Bị xử lý theo quy định của pháp luật vì không thực hiện trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, yêu cầu và hướng dẫn của bên đặt hàng, trừ trường hợp bất khả kháng sẽ không được tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bị xử lý vi phạm."

### **4. Bổ sung điểm đ, e khoản 4 Điều 5 như sau:**

"đ) Bị xử lý theo quy định của pháp luật vì không thực hiện trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, yêu cầu và hướng dẫn của bên đặt hàng, trừ trường hợp bất khả kháng sẽ không được tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bị xử lý vi phạm.

e) Cá nhân không thuộc tổ chức chủ trì nhiệm vụ, tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ hoặc tổ chức có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký tuyển chọn hoặc giao trực tiếp."

### **5. Sửa đổi Điều 8 như sau:**

**"Điều 8. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh để tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện**

1. Hết thời hạn đề xuất hoặc đề xuất đặt hàng theo thông báo, Sở KH&CN tổng hợp danh mục các nhiệm vụ KH&CN đề xuất hoặc đề xuất đặt hàng và tổ

chức xem xét, lựa chọn thông qua Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN để tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện.

2. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định đối với Chương trình KH&CN; đồng thời ủy quyền theo quy định của pháp luật cho Giám đốc Sở KH&CN (hoặc người đứng đầu Sở KH&CN trong trường hợp chưa có Giám đốc Sở) thành lập Hội đồng tư vấn xác định đối với các nhiệm vụ KH&CN độc lập còn lại để tư vấn, xác định nhiệm vụ KH&CN đưa vào kế hoạch thực hiện hoặc tư vấn loại bỏ những nhiệm vụ có nội dung nghiên cứu không đáp ứng các yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 4 của Quy định này.

3. Thành phần Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN có từ 07 đến 09 thành viên đáp ứng yêu cầu của khoản 5 Điều 2 Quy định này, bao gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, 02 thành viên là ủy viên phản biện, 01 ủy viên thư ký khoa học và các thành viên khác. Thành phần cụ thể do Giám đốc Sở KH&CN quyết định hoặc trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cho phù hợp.

4. Phiên họp của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN được tiến hành khi có ít nhất từ 2/3 trở lên số thành viên tham dự (trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền, các ủy viên phản biện tham dự). Hội đồng làm việc theo hình thức tập trung, biểu quyết trực tiếp theo đa số hoặc bỏ phiếu kín; Hội đồng trao đổi thảo luận và xin biểu quyết với tỷ lệ từ 2/3 trở lên thành viên có mặt đồng ý đối với mỗi nhiệm vụ KH&CN thì được đưa vào danh mục nhiệm vụ KH&CN để tổ chức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp. Tổ kiểm phiếu hoặc kiểm ý kiến biểu quyết do Hội đồng bầu có trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Hội đồng và công bố công khai kết quả kiểm phiếu hoặc kiểm ý kiến biểu quyết tại cuộc họp của Hội đồng. Đối với đề xuất đặt hàng được đề nghị “thực hiện”, các thành viên phản biện trình bày các nội dung dự kiến của nhiệm vụ KH&CN đặt hàng. Hội đồng chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các mục của nhiệm vụ KH&CN đặt hàng theo các yêu cầu của Điều 4 Quy định này. Thư ký khoa học do Hội đồng bầu có trách nhiệm lập biên bản hội nghị kèm theo danh mục các nhiệm vụ KH&CN đạt yêu cầu và không đạt yêu cầu làm cơ sở thực hiện bước tiếp theo; các yêu cầu cần điều chỉnh, bổ sung đối với từng nhiệm vụ KH&CN trong danh mục đạt yêu cầu (nếu có).

5. Trường hợp cần thiết, Sở KH&CN có thể trao đổi, xin ý kiến tư vấn của các sở, ban, ngành, huyện, thành phố có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN dự kiến đưa vào danh mục nhiệm vụ KH&CN. Trường hợp số lượng nhiệm vụ KH&CN được thành viên Hội đồng tư vấn có mặt đồng ý biểu quyết thông qua với tỷ lệ từ 2/3 trở lên vượt quá nhiều hoặc quá ít so với nguồn lực về kinh phí có thể đáp ứng của năm kế hoạch, Sở KH&CN có thể rà soát hoặc xin ý kiến Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN để loại bỏ những nhiệm vụ có tỷ lệ đạt từ 2/3 thành viên có mặt đồng ý biểu quyết thông qua thấp hơn cho đến khi phù hợp (trong trường hợp số lượng nhiệm vụ KH&CN vượt quá nhiều so với

nguồn lực về kinh phí có thể đáp ứng của năm kế hoạch) hoặc đề xuất bổ sung nhiệm vụ KH&CN và tiến hành thủ tục theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

6. Đối với các nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp tỉnh: Sở KH&CN tổng hợp, trình UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN để tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp bao gồm các thông tin: Loại hình nhiệm vụ (đề tài KH&CN/đề án KH&CN/dự án sản xuất thử nghiệm/dự án KH&CN), tên nhiệm vụ, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả, tổ chức đề xuất hoặc đề xuất đặt hàng, phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp). Trong đó:

a) *Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với kết quả*, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của Điều 4 Quy định này.

b) Mục *Yêu cầu đối với kết quả* cần bao gồm các thông số kỹ thuật, yêu cầu về số lượng, chất lượng hoặc chỉ tiêu định lượng, định tính cụ thể của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ KH&CN các yêu cầu này cần được thể hiện như sau:

- Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: Các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoạn tạo sản phẩm mẫu và các yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

- Đối với đề tài KH&CN khác: Các yêu cầu tính mới và mức độ tiên tiến của sản phẩm và các yêu cầu khác.

- Đối với dự án sản xuất thử nghiệm: Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm và qui mô sản xuất thử nghiệm.

- Đối với đề án KH&CN: Các yêu cầu về tính khoa học và tính thực tiễn của sản phẩm và các yêu cầu khác.

- Đối với dự án KH&CN: Các sản phẩm khoa học công nghệ cùng với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng đảm bảo sự gắn kết và tính đồng bộ theo quy trình sản xuất hoặc chuỗi thời gian.

7. Đối với chương trình KH&CN cấp tỉnh: Sở KH&CN tổng hợp, trình UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt để tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp các nhiệm vụ KH&CN thuộc chương trình, bao gồm các thông tin: Tên chương trình, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả của các nội dung, nhiệm vụ KH&CN thuộc chương trình, phương thức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc chương trình (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp). Trong đó:

a) *Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với kết quả*, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của Điều 4 Quy định này.

b) Mục *yêu cầu đối với kết quả của các nhiệm vụ KH&CN* cần bao gồm các thông số kỹ thuật, yêu cầu về số lượng, chất lượng hoặc chỉ tiêu định lượng, định tính cụ thể của sản phẩm tạo ra, đảm bảo sự quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với nhau và thống nhất với mục tiêu đề ra."

## **6. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 9 như sau:**

“c) Thuyết minh đề tài KH&CN (Biểu B1-2a-TMĐTCN-VP hoặc Biểu B1-2b-TMĐTXH-VP); Thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm (Biểu B1-2c-TMDASX-VP); Thuyết minh đề án KH&CN (Biểu B1-2d-TMĐA-VP); Thuyết minh dự án KH&CN (Biểu B1-2e-TMTQ-DAKH-VP); Thuyết minh chương trình KH&CN (Biểu B1-2f-TMCTKH-VP).”

## **7. Sửa đổi Điều 10 như sau:**

**"Điều 10. Tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo lĩnh vực**

1. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền theo quy định của pháp luật cho Giám đốc Sở KH&CN (hoặc người đứng đầu Sở KH&CN trong trường hợp chưa có Giám đốc Sở) quyết định thành lập và tổ chức các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp theo lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều này để xem xét, đánh giá tính phù hợp, tính khả thi của hồ sơ đăng ký.

2. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, bao gồm các lĩnh vực:

- Khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ;
- Khoa học y, dược;
- Khoa học nông nghiệp;
- Khoa học xã hội và nhân văn.

a) Hội đồng tư vấn theo các lĩnh vực có từ 05 đến 07 thành viên đáp ứng yêu cầu của khoản 5 Điều 2 Quy định này, bao gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện là người có kinh nghiệm hoặc là người có chuyên môn sâu trong lĩnh vực mà nhiệm vụ được xem xét, 01 ủy viên thư ký khoa học và các thành viên khác, ngoài ra còn có 01 thư ký hành chính giúp việc. Căn cứ vào nội dung của mỗi nhiệm vụ KH&CN, Giám đốc Sở KH&CN quyết định số lượng thành viên và thành phần của Hội đồng cho phù hợp, đảm bảo theo quy định.

Đối với chương trình KH&CN; các nhiệm vụ KH&CN quan trọng, phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Giám đốc Sở KH&CN có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định nêu trên cho phù hợp hoặc trình Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập.

b) Phiên họp của Hội đồng được tiến hành khi có ít nhất từ 2/3 trở lên số thành viên tham dự (phải có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch được ủy quyền, các ủy viên phản biện tham dự). Hội đồng làm việc theo hình thức tập trung, trao đổi thảo luận công khai về nội dung được giao tư vấn, thành viên Hội đồng biểu quyết bằng phiếu và chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình, trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng.

Hội đồng bầu 01 ủy viên làm thư ký khoa học và Tổ kiểm phiếu gồm: Tổ trưởng và tổ viên. Tổ kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá, tham gia ý kiến của các thành viên Hội đồng, xếp hạng các hồ sơ được đánh giá

có tổng số điểm trung bình từ cao xuống thấp (nếu nhiệm vụ có từ 02 hồ sơ đăng ký trở lên) và công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp của Hội đồng.

Hội đồng kết luận chung và thông qua biên bản cuộc họp do thư ký khoa học tổng hợp về những điểm cần loại bỏ, sửa đổi, bổ sung phù hợp với từng nội dung trong thuyết minh/hồ sơ nhiệm vụ KH&CN của tổ chức được kiến nghị tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

Biên bản Hội đồng của các nhiệm vụ KH&CN độc lập sau khi thống nhất phải có được các nội dung chính bao gồm: Tên nhiệm vụ KH&CN, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm/đồng chủ nhiệm, thời gian thực hiện, nội dung nghiên cứu/ thực hiện chính, sản phẩm KH&CN của nhiệm vụ, số lượng chuyên gia cần thiết để tham gia thực hiện (nếu có), phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần. Các nội dung khác có liên quan đến dự toán kinh phí của nhiệm vụ do Tổ thẩm định tài chính, kinh phí quyết định."

Biên bản Hội đồng của chương trình KH&CN sau khi thống nhất phải có được các nội dung chính bao gồm: Tên chương trình, tổ chức chủ trì, ban chủ nhiệm, thời gian thực hiện, các nội dung/nhiệm vụ KH&CN thuộc chương trình, sản phẩm KH&CN của từng nhiệm vụ KH&CN thuộc chương trình (nếu có). Các nội dung khác có liên quan đến dự toán kinh phí của chương trình do Tổ thẩm định tài chính, kinh phí quyết định."

c) Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể kiến nghị Sở KH&CN thành lập tổ kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện, cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN."

3. Nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Cụ thể như sau:

Hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được đánh giá, chấm điểm tối đa 100 điểm theo các nhóm tiêu chí và thang điểm:

- a) Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ:
  - + Tổng quan tình hình nghiên cứu (điểm tối đa 12);
  - + Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (điểm tối đa 24);
  - + Sản phẩm KH&CN (điểm tối đa 16);
  - + Phương án chuyển giao ứng dụng các sản phẩm và phương án tổ chức để triển khai ứng dụng sản phẩm (điểm tối đa 16);
  - + Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (điểm tối đa 16);
  - + Năng lực của tổ chức và các cá nhân thực hiện (điểm tối đa 16).
- b) Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn và đề án KH&CN:
  - + Tổng quan tình hình nghiên cứu (điểm tối đa 12);
  - + Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu (điểm tối đa 12);
  - + Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (điểm tối đa 12);

- + Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (điểm tối đa 20);
  - + Sản phẩm khoa học, lợi ích kết quả của đề tài và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu (điểm tối đa 24);
  - + Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (điểm tối đa 20).
- c) Dự án sản xuất thử nghiệm, dự án KH&CN:
- + Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án (điểm tối đa 8);
  - + Nội dung và phương án triển khai (điểm tối đa 24);
  - + Tính mới và tính khả thi của công nghệ (điểm tối đa 12);
  - + Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án (điểm tối đa 16);
  - + Phương án tài chính (điểm tối đa 24);
  - + Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (điểm tối đa 16).
- d) Chương trình KH&CN:
- + Tính cấp thiết và tổng quan các vấn đề nghiên cứu thuộc chương trình (điểm tối đa 8);
  - + Mục tiêu, đối tượng, phạm vi, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (điểm tối đa 8);
  - + Nội dung nhiệm vụ, phương án và tiến độ triển khai thực hiện và sản phẩm dự kiến (điểm tối đa 40);
  - + Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của chương trình (điểm tối đa 16);
  - + Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu và dự kiến địa chỉ ứng dụng (điểm tối đa 16);
  - + Phương án tài chính và năng lực của tổ chức chủ trì và các cá nhân chủ nhiệm chương trình (điểm tối đa 12)."

#### **8. Sửa đổi Điều 11 như sau:**

#### **"Điều 11. Điều kiện để nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp**

1. Hội đồng tư vấn theo lĩnh vực kiến nghị tuyển chọn hoặc giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm).

b) Đối với các hồ sơ theo hình thức tuyển chọn có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì thực hiện ưu tiên theo thứ tự: (1) Tuyển chọn tổ chức, cá nhân có hồ sơ tự đề xuất chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN; (2) Tuyển chọn hồ sơ có điểm trung bình về năng lực của tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm cao hơn; (3) Tuyển chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân có cam kết và đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước nhiều hơn (nếu có); (4) Tuyển chọn hồ sơ có tổng số điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng; (5) Tuyển chọn hồ sơ được nộp sớm hơn.

2. Trường hợp nhiệm vụ có tính cấp thiết, theo yêu cầu đột xuất của tỉnh do Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đặt hàng, các bộ, ngành Trung ương trực tiếp chỉ đạo thực hiện. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền theo quy định của pháp luật cho Giám đốc Sở KH&CN (hoặc người đứng đầu Sở KH&CN trong trường hợp chưa có Giám đốc Sở) quyết định thành lập Hội đồng tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN thông qua theo quy định, thành lập Tổ thẩm định tài chính, kinh phí nhiệm vụ KH&CN, sau đó tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt hoặc UBND tỉnh ủy quyền cho Sở KH&CN phê duyệt.

3. Lấy ý kiến chuyên gia

a) Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở KH&CN lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập trước khi ban hành quyết định theo ủy quyền hoặc tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

b) Chuyên gia tư vấn độc lập phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có thâm niên công tác trong cùng lĩnh vực được mời tư vấn từ 05 năm trở lên;
- Có tư cách đạo đức tốt, có năng lực hành vi dân sự;
- Là người không có quan hệ gia đình, thân thuộc, tài chính với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN."

**9. Sửa đổi Điều 12 như sau:**

**"Điều 12. Thẩm định tài chính, kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp theo lĩnh vực thông qua Biên bản họp, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có trách nhiệm hoàn thiện và gửi lại hồ sơ/thuyết minh nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo kết luận của Hội đồng.

2. Căn cứ Biên bản của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo lĩnh vực, UBND tỉnh ủy quyền cho Sở KH&CN quyết định thành lập Tổ thẩm định tài chính, kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Tổ thẩm định có từ 03-05 thành viên gồm: Tổ trưởng là Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp đối với nhiệm vụ KH&CN tương ứng, một số thành viên có chuyên môn về tài chính, 01 thành viên là đại diện Phòng Quản lý về nhiệm vụ KH&CN và thư ký hành chính.

3. Trên cơ sở biên bản của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo lĩnh vực và hồ sơ, thuyết minh nhận được. Trong thời hạn 30 ngày, Tổ thẩm định tài chính, kinh phí phải tiến hành thẩm định xong dự toán kinh phí các nhiệm vụ KH&CN theo các quy định: Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN- BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ KH&CN Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN, ngày 22 tháng 4 năm 2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ KH&CN Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ

KH&CN; Quyết định số 27/2018/QĐ- UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc quy định định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các Thông tư, Quyết định này (nếu có). Tổ thẩm định hoàn thiện biên bản thẩm định theo quy định.”

#### **10. Sửa đổi Điều 13 như sau:**

#### **"Điều 13. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

Căn cứ kết quả của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN; kết quả thẩm định tài chính, kinh phí các nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực tế công tác quản lý nhà nước và triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định kinh phí, Sở KH&CN có trách nhiệm trình UBND tỉnh phê duyệt hoặc phê duyệt theo ủy quyền, cụ thể như sau:

1. UBND tỉnh phê duyệt kết quả tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện đối với những nhiệm vụ KH&CN có tổng kinh phí ngân sách tỉnh cấp từ 500 triệu đồng trở lên.

2. UBND tỉnh ủy quyền cho Sở KH&CN phê duyệt kết quả tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện đối với những nhiệm vụ KH&CN có tổng kinh phí ngân sách tỉnh cấp dưới 500 triệu đồng.

3. Kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện chương trình KH&CN cấp tỉnh được phê duyệt bằng văn bản riêng, bao gồm các thông tin chính như sau: Căn cứ pháp lý, tên chương trình, tổ chức chủ trì, ban chủ nhiệm, thời gian thực hiện, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ KH&CN và nhiệm vụ thường xuyên thuộc chương trình, sản phẩm dự kiến, tổng khái toán kinh phí thực hiện và thông tin có liên quan khác (nếu thấy cần thiết).

4. Kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN (độc lập cấp tỉnh và thuộc chương trình KH&CN cấp tỉnh), gồm thông tin chính như sau: Loại hình nhiệm vụ (đề tài KH&CN/đề án KH&CN/dự án sản xuất thử nghiệm/dự án KH&CN), tên nhiệm vụ, chủ nhiệm/đồng chủ nhiệm, tổ chức chủ trì, nội dung chính, sản phẩm dự kiến, thời gian thực hiện, kinh phí thực hiện, phương thức khoán chi (tổng mức kinh phí, mức kinh phí khoán chi và không khoán chi - nếu áp dụng phương thức khoán chi từng phần).

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Sở KH&CN có trách nhiệm thông báo kết quả tới các tổ chức, cá nhân được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp biết để hoàn thiện hồ sơ (Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN).

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt, tổ chức được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN

có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ (Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN) theo quy định, nộp về Sở KH&CN phê duyệt và ký hợp đồng.

7. Trường hợp sau khi tiến hành các thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đối với bất kỳ nhiệm vụ KH&CN nào đó mà không có hồ sơ đủ điều kiện được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp, UBND tỉnh ủy quyền cho Sở KH&CN tiếp tục thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp lần 2 theo trình tự thủ tục như lần 1 (nếu thấy cần thiết) hoặc dừng thông báo; nếu dừng thông báo hoặc tiếp tục tổ chức thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp mà vẫn không có hồ sơ được nộp hoặc hồ sơ không đủ điều kiện tuyển chọn, Sở KH&CN thông báo công khai việc dừng tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên Cổng thông tin điện tử của Sở KH&CN và các phương tiện thông tin khác (nếu cần thiết). Sở KH&CN có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh việc dừng việc tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp đối với nhiệm vụ KH&CN theo quy định."

#### **11. Sửa đổi khoản 2, 5 Điều 21 như sau:**

"2. Nghiệm thu cấp tỉnh:

Sau khi nhận được hồ sơ theo hướng dẫn, Sở KH&CN tổ chức Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Cụ thể như sau:

- Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền theo quy định của pháp luật cho Giám đốc Sở KH&CN (hoặc người đứng đầu Sở KH&CN trong trường hợp chưa có Giám đốc Sở) thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (*gọi tắt là Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh*) theo các lĩnh vực tương tự như quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy định này. Mỗi Hội đồng có từ 05 đến 07 thành viên, bao gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, 01 ủy viên thư ký khoa học và các thành viên khác, ngoài ra còn có 01 thư ký hành chính giúp việc.

Đối với các nhiệm vụ KH&CN quan trọng, phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Giám đốc Sở KH&CN có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định tại Điều này hoặc trình Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng.

- Căn cứ vào các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tiến hành trên cơ sở quyết định, thuyết minh, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản, tài liệu, sản phẩm có liên quan trong quá trình thực hiện để Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh nghiệm thu chính thức đối với nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

- Phiên họp Hội đồng chỉ được tiến hành khi có ít nhất từ 2/3 trở lên thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch được ủy quyền, 02 ủy viên phản biện. Hội đồng bầu 01 ủy viên làm thư ký khoa học và Tổ kiểm phiếu chấm điểm.

- Hội đồng thảo luận, chấm điểm và đánh giá xếp loại nhiệm vụ theo 4 loại: "Xuất sắc", "Khá", "Đạt", "Không đạt". Trường hợp nhiệm vụ được đánh giá

xếp loại “Không đạt”, Hội đồng cần xác định rõ các nguyên nhân (chủ quan, khách quan) và những nội dung đã thực hiện theo hợp đồng để xử lý theo quy định hiện hành. Thư ký khoa học tổng hợp, công khai kết quả đánh giá và thông qua biên bản làm việc."

"5. Thang điểm đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN ở hai (02) cấp được tính theo thang điểm 100, với các tiêu chí đánh giá và mức điểm như sau:

- Đánh giá về tổng quan các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ: Tối đa 15 điểm.

- Đánh giá về số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật: Tối đa 20 điểm.

- Đánh giá về kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp: Tối đa 10 điểm.

- Đánh giá về nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và lô-gíc khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học, việc đề xuất phương án xử lý tài sản theo quy định. Đối với sản phẩm là (i): mẫu; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ; hoặc là (ii): nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình và sản phẩm có liên quan); đề án, qui hoạch; luận chứng kinh tế-kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi Hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do tổ chức chủ trì nhiệm vụ thành lập; hoặc là (iii): kết quả tham gia đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế, công bố, xuất bản và các sản phẩm tương tự khác cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp: Tối đa 55 điểm."

## **12. Sửa đổi Điều 23 như sau:**

### **"Điều 23. Xử lý tài sản đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

Tài sản được hình thành thông qua việc triển khai nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước sau khi kết thúc phải được xử lý theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước; Thông tư 10/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định

giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước; các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định, các Thông tư nêu tại Điều này (nếu có)."

**13. Sửa đổi Điều 26 như sau:**

**"Điều 26. Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

Việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ KH&CN hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định, Thông tư này (nếu có)."

**14. Sửa đổi khoản 2 Điều 27 như sau:**

"2. Đối với các nhiệm vụ KH&CN cơ sở đề xuất hỗ trợ kinh phí từ nguồn sự nghiệp KH&CN tỉnh thì thủ trưởng đơn vị cơ sở gửi hồ sơ đề xuất nhiệm vụ để Sở KH&CN xem xét, phê duyệt hỗ trợ theo quy định hoặc hỗ trợ, tài trợ thông qua Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh Vĩnh Phúc (nếu có)."

**15. Sửa đổi khoản 2, 3, 9, 13 và 14 Điều 29 như sau:**

"2. Tổ chức thẩm định, tham mưu quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp, kinh phí của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; Phê duyệt thuyết minh kèm theo dự toán kinh phí chi tiết và quyết toán kinh phí đối với từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ."

"3. Ký hợp đồng và thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ; xem xét điều chỉnh, đình chỉ, chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh."

"9. Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, bố trí kinh phí, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sau khi được đánh giá, nghiệm thu và định kỳ báo cáo kết quả ứng dụng theo quy định."

"13. Hướng dẫn và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan."

"14. Chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN. Ngoài ra, vận dụng các biểu mẫu hồ sơ, tài liệu, báo cáo có liên quan đến việc đề xuất, đề xuất đặt hàng, tư vấn xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả theo quy định của Bộ

KH&CN hoặc áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia trong từng giai đoạn cụ thể để hướng dẫn thống nhất thực hiện phục vụ công tác quản lý và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc."

**16. Sửa đổi khoản 1, 3, 13 và bổ sung khoản 16, 17 Điều 33 như sau:**

"1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền."

"3. Ký kết, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Sở KH&CN; ký kết, thanh lý hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm vụ và các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ."

"13. Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, yêu cầu và hướng dẫn của bên đặt hàng, trừ trường hợp bất khả kháng."

"16. Có trách nhiệm quản lý, bảo quản tài sản, hồ sơ của tài sản trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN từ ngày kết thúc nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng hoặc từ ngày có quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ KH&CN cho đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quyết định của cấp có thẩm quyền."

17. Được phân chia lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định."

**17. Sửa đổi khoản 2, 8 và bổ sung khoản 9, 10 Điều 34 như sau:**

"2. Ký kết, thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ."

"8. Cùng tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, yêu cầu và hướng dẫn của bên đặt hàng, trừ trường hợp bất khả kháng."

"9. Cùng tổ chức chủ trì có trách nhiệm quản lý, bảo quản tài sản, hồ sơ của tài sản trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN và từ ngày kết thúc nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng hoặc từ ngày có quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ KH&CN cho đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quyết định của cấp có thẩm quyền."

10. Được hưởng quyền tác giả và phân chia lợi nhuận đối với việc sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định."

**18. Sửa đổi Điều 38 như sau:**

**"Điều 38. Sửa đổi, bổ sung Quy định**

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở KH&CN để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sẽ xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp."

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 12 năm 2021.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, **Ngành:** Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- VP Chính phủ;
- Bộ KH&CN;
- Website Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục KTVB- Bộ Tư pháp;
- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- Các Thành viên HĐ KH&CN tỉnh;
- Báo, Đài, Cổng TTGT Điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VX2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Việt Văn**

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**  
**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ THỰC HIỆN**

---

**THUYẾT MINH**  
**CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**CẤP TỈNH VĨNH PHÚC NĂM 20..**

**Tên chương trình KH&CN:**

**Mã số:** *(được cấp khi Hồ sơ được phê duyệt)*

**Chủ nhiệm/Ban chủ nhiệm:**

**Tổ chức chủ trì thực hiện:**

*Vĩnh Phúc, năm 20.....*

**THUYẾT MINH  
CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
CẤP TỈNH VINH PHÚC**

<b>1. TÊN CHƯƠNG TRÌNH</b>		<b>2. MÃ SỐ</b>		
<b>3. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN</b>				
Khoa học Tự nhiên, Kỹ thuật và Công nghệ		<input type="checkbox"/>	Khoa học Nông nghiệp	<input type="checkbox"/>
Khoa học Y, dược		<input type="checkbox"/>	Khoa học Xã hội và Nhân văn	<input type="checkbox"/>
<b>4. THỜI GIAN THỰC HIỆN</b> ..... tháng Từ tháng..... năm..... đến tháng..... năm.....				
<b>5. TỔ CHỨC CHỦ TRÌ CHƯƠNG TRÌNH</b>				
Tên cơ quan:				
Điện thoại:				
E-mail:				
Địa chỉ:				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức chủ trì:				
<b>6. CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH</b>				
Họ và tên:		Học vị:		
Chức danh khoa học:		Năm sinh:		
Địa chỉ cơ quan:				
Điện thoại cơ quan:				
Di động:				
E-mail:				
<b>7. BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH</b>				
TT	Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Nhiệm vụ được giao	Chữ ký
1				
2				
3				
<b>8. ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH</b>				
Tên đơn vị trong và ngoài nước		Nội dung phối hợp nghiên cứu		Họ và tên người đại diện đơn vị
<b>9. TÍNH CẤP THIẾT CỦA CHƯƠNG TRÌNH</b>				
<b>10. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THUỘC LĨNH VỰC CỦA CHƯƠNG TRÌNH Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC</b>				
10.1. Ngoài nước ( <i>phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của chương</i>				

*trình trên thế giới, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến chương trình được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)*

10.2. Trong nước (*phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của chương trình ở Việt Nam, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến chương trình được trích dẫn khi đánh giá tổng quan*)

10.3. Danh mục các công trình đã công bố thuộc lĩnh vực của chương trình của chủ nhiệm và những thành viên tham gia nghiên cứu (*họ và tên tác giả; bài báo; ấn phẩm; các yếu tố về xuất bản*)

## **11. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH**

11.1. Mục tiêu chung

11.2. Mục tiêu cụ thể

## **12. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

12.1. Đối tượng nghiên cứu

12.2. Phạm vi nghiên cứu

## **13. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

13.1. Cách tiếp cận

13.2. Phương pháp nghiên cứu

## **14. NỘI DUNG NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH, PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

14.1. Nội dung, nhiệm vụ chương trình

*a. Các nhiệm vụ KH&CN thuộc chương trình<sup>(1)</sup>*

- Tên đề tài KH&CN 1:
- Tên đề tài KH&CN 2:
- Tên đề tài KH&CN...
- Tên dự án sản xuất thử nghiệm 1:
- Tên dự án sản xuất thử nghiệm 2:
- Tên dự án sản xuất thử nghiệm ....:
- Tên dự án khoa học 1:
- Tên dự án khoa học 2:
- Tên dự án khoa học ....:

*b. Các nhiệm vụ thường xuyên thuộc chương trình.*

- Học tập kinh nghiệm:
- Đào tạo, bồi dưỡng phục vụ chương trình:
- Quản lý chương trình:

14.2. Phương án tổ chức thực hiện

.....  
.....  
.....  
.....

**15. TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

STT	Các nội dung, công việc thực hiện	Sản phẩm	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Hình thức tổ chức thực hiện ( <i>tuyển chọn/giao trực tiếp</i> )
1				
2				

**16. SẢN PHẨM DỰ KIẾN****15.1 Sản phẩm khoa học**

- Sách chuyên khảo  Bài báo đăng tạp chí nước ngoài   
 Sách tham khảo  Bài báo đăng tạp chí trong nước   
 Giáo trình  Bài đăng kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế

**15.2 Sản phẩm đào tạo**

- Nghiên cứu sinh  Cao học

**15.3 Sản phẩm ứng dụng**

- |                      |                          |                       |                          |                     |                          |
|----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|---------------------|--------------------------|
| Mẫu                  | <input type="checkbox"/> | Vật liệu              | <input type="checkbox"/> | Thiết bị máy móc    | <input type="checkbox"/> |
| Giống cây trồng      | <input type="checkbox"/> | Giống vật nuôi        | <input type="checkbox"/> | Quy trình công nghệ | <input type="checkbox"/> |
| Tiêu chuẩn           | <input type="checkbox"/> | Quy phạm              | <input type="checkbox"/> | Sơ đồ, bản thiết kế | <input type="checkbox"/> |
| Tài liệu dự báo      | <input type="checkbox"/> | Đề án                 | <input type="checkbox"/> | Luận chứng kinh tế  | <input type="checkbox"/> |
| Phương pháp          | <input type="checkbox"/> | Chương trình máy tính | <input type="checkbox"/> | Bản kiến nghị       | <input type="checkbox"/> |
| Dây chuyền công nghệ | <input type="checkbox"/> | Báo cáo phân tích     | <input type="checkbox"/> | Bản quy hoạch       | <input type="checkbox"/> |

**15.4 Các sản phẩm khác****15.5 Tên sản phẩm, số lượng và yêu cầu khoa học đối với sản phẩm**

Stt	Tên sản phẩm	Số lượng	Yêu cầu khoa học
1			
2			
3			

**17. KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN VÀ HIỆU QUẢ KT-XH DỰ KIẾN.****17.1. Khả năng phát triển.**

.....  
 .....

**17.2. Hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến.**

.....  
 .....

**18. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ DỰ KIẾN ĐỊA CHỈ ỨNG DỤNG.**

- Đề tài KH&CN 1:
- Đề tài KH&CN 2:
- Đề tài KH&CN...
- Dự án sản xuất thử nghiệm 1:
- Dự án sản xuất thử nghiệm 2:
- Dự án sản xuất thử nghiệm ....:

- Dự án khoa học 1:
- Dự án khoa học 2:
- Dự án khoa học ....:

**19. TỔNG KHÁI TOÁN KINH PHÍ VÀ PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG TÀI CHÍNH THỰC HIỆN.**

**19.1. Tổng khái toán kinh phí: .....triệu đồng. Trong đó:**

19.1.1. Ngân sách nhà nước: .....triệu đồng

19.1.2. Nguồn vốn hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước: .....triệu đồng

**19.2. Phương án huy động tài chính.**

**CHỦ NHIỆM  
CHƯƠNG TRÌNH KHCN**  
*(Họ, tên và chữ ký)*

....., ngày.....tháng.....năm 20...

**THỦ TRƯỞNG  
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ  
CHƯƠNG TRÌNH KHCN**  
*(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VINH PHÚC**  
*(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

(<sup>1</sup>) Chỉ thực hiện khi các đề tài, dự án thuộc chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ.